

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

-----  
Bản án số: 123/2021/HSST  
Ngày: 05-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Bảo.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Chí.

Ông Nguyễn Thanh An.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G:** Ông Phan Sâm Rin – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2021/TLST - HS ngày 24 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2021/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1987.

ĐKTT và chỗ ở: 615A Nguyễn Duy, Phường 12, Quận X, Thành phố Y; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Tài và bà Nguyễn Ngọc Anh; chung sống như vợ chồng với Phương Mỹ D, có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: Quyết định số 330/QĐ-TA ngày 07/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng; Quyết định số 566/QĐ-TA ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng. Chấp hành xong ngày 29/4/2020; nhân thân: Tại bản án số: 67/2008/HSST ngày 08/5/2008 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Y, xử phạt 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Chấp hành xong hình phạt ngày 12/9/2013. Bị cáo bị tạm giam ngày 06/02/2021 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Phương Mỹ D**, sinh năm: 1989.

ĐKTT và chỗ ở: 579A Nguyễn Duy, Phường 12, Quận X, thành phố Y; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Cẩm Long (đã chết) và bà Nguyễn Thị Giới; chung sống như vợ chồng với Huỳnh Văn T, có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2019; tiền án – tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Trương Thị Ngọc Huệ, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Kế Mỹ, xã Mỹ Lộc, huyện G, tỉnh L.

- **Người làm chứng:** Phạm Tấn Phát, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Cư trú: Khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh L.

### **NỘI D VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 06/02/2021 Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô biển số 54H2-6535 chở Phương Mỹ D đi từ Thành phố Y về tỉnh Tiền Giang để tảo mộ ông bà. Khi T chở D đến khu vực thuộc khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn G thì T phát hiện chị Trương Thị Ngọc Huệ đang điều khiển xe đạp cùng chiều phía trước đang cầm 01 điện thoại di động, hiệu Mobell P41 màu vàng nên nảy sinh ý định cướp giật bán lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe quay lại rồi hỏi D thấy người đi xe đạp đang nghe điện thoại không, D trả lời thấy, T hỏi D “giật hôn”, D trả lời “ừ”. Sau đó, T điều khiển xe áp sát phía bên phải xe chị Huệ, dùng tay trái giật lấy chiếc điện thoại đưa cho D cất giữ rồi tẩu thoát. Chị Huệ truy hô và cùng người dân truy đuổi. T và D chạy xe tẩu thoát vào con hẻm thuộc khu phố Hòa Thuận 2, thị trấn G thì bị bắt giữ cùng tang vật.

Tại kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G, tỉnh L, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell P41, màu vàng, điện thoại đã qua sử dụng (tài sản đã thu hồi được, hoạt động bình thường), trị giá 530.000 đồng (Năm trăm ba mươi ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 120/CT-VKSCG, ngày 24/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố hai bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đại diện VKS giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hai bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Huỳnh Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phương Mỹ D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Vật chứng trong vụ án: đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Wave 110, màu trắng, biển số 54H2 – 6535 của Huỳnh Văn T. Đối với 01 điện thoại di động Mobell P41 màu vàng Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã trả lại cho chị Huệ, nên không xem xét.

Về dân sự: chị Trương Thị Ngọc Huệ đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu.

Hai bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D; bị cáo D cũng xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 12 giờ 20 phút ngày 06/02/2021 Huỳnh Văn T điều khiển xe mô tô chở Phương Mỹ D đi từ Tp Y về tỉnh Tiền Giang, khi cả hai đi đến khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn G, huyện G, thì thống nhất thực hiện hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Mobell P41, màu vàng, trị giá 530.000 đồng của chị Trương Thị Ngọc Huệ đang cầm trên tay rồi tăng ga tẩu thoát. Hành vi này của hai bị cáo đã cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” tội phạm được quy định tại Điều 171 Bộ Luật hình sự.

[3] Việc hai bị cáo sử dụng xe mô tô phân khối lớn được xem là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi cướp giật và nhanh chóng tẩu thoát có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe cho người bị hại đang điều khiển xe đạp và những người tham gia giao thông trên đường, do đó thuộc trường hợp định khung hình phạt là “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi dùng xe mô tô áp sát để giật tài sản của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử phạt một cách thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: tài sản hai bị cáo chiếm đoạt giá trị không lớn (530.000 đồng) và tài sản cũng đã hoàn trả cho người bị hại; hai bị cáo phạm tội nhưng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo D đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (cháu tên Phương Huỳnh Thiên Phúc, sinh ngày 23/4/2019), nên bị cáo D còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân của hai bị cáo: bị cáo D có nhân thân tốt. Bị cáo T có nhân thân xấu, cụ thể có hai tiền sự: Ngày 07/9/2015 bị Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 330/QĐ-TA, thời hạn 18 tháng; ngày 12/11/2018 bị Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào

cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng theo Quyết định số 566/QĐ-TA. Chấp hành xong ngày 29/4/2020. Về nhân thân: ngày 08/5/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Y, xử phạt 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” theo bản án số: 67/2008/HSST.

[8] Trong vụ án cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội từng bị cáo khi lượng hình. Cụ thể: bị cáo T là người chủ mưu, rủ rê bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp điều khiển xe mô tô và dùng tay giật điện thoại. Bị cáo D là người giúp sức tích cực thể hiện là sau khi giật được điện thoại bị cáo T đưa cho bị cáo D cất giấu vào túi áo.

[9] Đối với bị cáo T, xét thấy cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo D xét thấy hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, phạm tội bị động do bị cáo T rủ rê, phạm tội có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đã nhận định tại mục [6], không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng có nhân thân tốt. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì xét thấy không cần cách ly ra khỏi xã hội, cho hưởng án treo bị cáo D cũng có thể tự cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Về hình phạt bổ sung: đối với tội “*Cướp giật tài sản*” hai bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 171 BLHS, nhưng bị cáo T hiện đang bị tạm giam, bị cáo D không nghề nghiệp ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

[10] Về vật chứng: căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell P41, màu vàng là vật chứng trong vụ án thuộc sở hữu của chị Trương Thị Ngọc Huệ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã trả lại cho chị Huệ là phù hợp. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, số khung không có, số máy VDPZS152FMH011365 bị cáo T khai mua xe cũ không có giấy tờ hợp pháp và bị cáo sử dụng xe này để thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra Cơ quan CSĐT đã thu giữ được 01 ĐTDD hoàn trả lại cho bị hại, tại phiên tòa chị Huệ vắng mặt, nhưng hồ sơ thể hiện (*bút lục số 98-99*) chị Huệ không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[11] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T và Phương Mỹ D cùng phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Huỳnh Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/02/2021.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (05/11/2021) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phương Mỹ D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (05/11/2021).

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận X, Thành phố Y giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về tang vật: tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, số khung không có, số máy VDPZS152FMH011365.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện G đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 95/QĐ-VKSCG, ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKDND huyện G;
- CA huyện G;
- THA huyện G;
- Bị cáo;Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN ĐỨC BẢO**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN G**  
**TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**G, ngày 05 tháng 11 năm 2021**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 45 phút ngày 29 tháng 10 năm 2021.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh L.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Bảo.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Chí.

Ông Nguyễn Thanh An.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2021/TLHS-ST, ngày 24/9/2021 đối với bị cáo Huỳnh Văn T và Phương Mỹ D.

Căn cứ vào Điều 259 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

#### **1. Về tội danh:**

Bị cáo Huỳnh Văn T và Phương Mỹ D phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

#### **2. Về Điều luật áp dụng:**

Đối với Huỳnh Văn T: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với Phương Mỹ D: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

#### **3. Về hình phạt:**

Xử phạt: Huỳnh Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 06/02/2021.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (05/11/2021) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.



Xử phạt: Phương Mỹ D 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (05/11/2021).

Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận X, Thành phố Y giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

#### **4. Các vấn đề khác:**

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về tang vật: tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu trắng, số khung không có, số máy VDPZS152FMH011365.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện G đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 95/QĐ-VKSCG, ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA**

NGUYỄN MINH CHÍ

NGUYỄN THANH AN

NGUYỄN ĐỨC BẢO